

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS – F17



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 – 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 44

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01 tháng 8 năm 2011 và thay đổi đến lần thứ mười lăm ngày 03 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp (trước đó là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 cấp lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Điện thoại : (0258) 3 831 043
Fax : (0258) 3 831 034

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90 - F394	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Kinh doanh	Số 71 Phan Bội Châu, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, Việt Nam
Cửa hàng vật tư thủy sản	Số 05 Sinh Trung, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Quán cà phê 31024	310 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao	Thôn Xuân Đông, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Vùng nuôi tôm công nghệ cao Ninh Quang	Thôn Thuận Mỹ, xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Trung tâm du lịch – thương mại Nha Trang Seafood – F17	777 Lê Hồng Phong, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2024
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Bà Đào Thị Minh Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Bà Ngô Anh Phương Lan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Vĩnh Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thủy Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Bà Bùi Nguyễn Nhật Quyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Phi Thương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Đình Kháng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2024
Ông Nguyễn Tất Chiến	Giám đốc khối chuỗi cung ứng nguyên liệu	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024
Ông Bùi Minh Anh Trí	Giám đốc khối chuỗi cung ứng hàng hóa	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024
Ông Ngô Tấn Hùng	Giám đốc khối sản xuất	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024
Ông Vũ Xuân Huy	Giám đốc khối kinh doanh và Marketing	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024
Ông Đặng Minh Tuấn	Giám đốc khối tài chính – kế toán	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024
Bà Nguyễn Kiều Mỹ Trang	Giám đốc khối nhân sự	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2019
Bà Hoàng Thị Thu Hương	Giám đốc Ban kiểm soát nội bộ	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Tuấn Kiệt - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2024).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'M.S.D.N: 4200567428 - C.T.C.P' at the top and 'TP. NHA TRANG - KH. KHÁNH HÒA' at the bottom. The inner circle contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS F17' in the center.

Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 29 tháng 3 năm 2025



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Branch in Nha Trang : Lot STH06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 3.0140/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang**



Phan Thị Ngọc Trâm

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0979-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nha Trang, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Hàng Quỳnh Hạnh

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0963-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		672.942.209.961	589.892.034.862
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	195.207.186.699	75.798.249.657
1. Tiền	111		180.503.186.699	48.798.249.657
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.704.000.000	27.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.200.000.000	40.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V2a	21.200.000.000	40.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		343.137.583.144	304.783.415.084
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	323.849.707.363	240.032.891.844
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.744.602.798	15.182.546.798
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9.768.650.601	51.484.896.681
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.225.377.618)	(1.916.920.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		66.431.737.166	128.406.691.619
1. Hàng tồn kho	141	V.7	66.431.737.166	128.406.691.619
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.965.702.952	40.703.678.502
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	620.422.664	793.247.826
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.931.244.336	34.279.653.564
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	414.035.952	5.630.777.112
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		478.600.927.598	547.892.425.222
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.762.262.968	4.751.177.003
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	4.762.262.968	4.751.177.003
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		180.800.687.833	183.705.087.503
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	168.933.182.277	171.554.115.847
- Nguyên giá	222		378.939.406.026	359.548.784.149
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(210.006.223.749)	(187.994.668.302)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.867.505.556	12.150.971.656
- Nguyên giá	228		14.978.937.376	14.978.937.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.111.431.820)	(2.827.965.720)
III. Bất động sản đầu tư	230		184.428.675.042	183.701.402.315
- Nguyên giá	231	V.11	184.428.675.042	183.701.402.315
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.786.193.949	29.063.611.198
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	4.786.193.949	29.063.611.198
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		97.418.040.368	132.487.460.628
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	-	22.344.180.387
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	18.451.645.712	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	76.966.394.656	110.143.280.241
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V2a	2.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.405.067.438	14.183.686.575
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6.405.067.438	14.183.686.575
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.151.543.137.559	1.137.784.460.084

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		711.740.624.188	701.106.256.212
I. Nợ ngắn hạn	310		668.498.622.808	596.106.256.212
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a,c	294.210.685.943	219.622.859.149
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.495.933.109	10.004.672
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.861.148.971	29.980.748.786
4. Phải trả người lao động	314	V.17	10.654.967.000	8.004.261.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	5.553.302.907	4.872.494.822
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	5.933.586.528	7.317.058.742
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a,c	343.622.954.820	317.178.552.511
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	3.166.043.530	9.120.276.530
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		43.242.001.380	105.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b,c	43.242.001.380	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b,c	-	105.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

01-C.T.
H
:HH
Ư VẤN
IG
TÁNH HƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		439.802.513.371	436.678.203.872
I. Vốn chủ sở hữu	410		439.802.513.371	436.678.203.872
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	188.000.000.000	188.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.000.000.000	188.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	17.957.399.540	17.957.399.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	233.845.113.831	230.720.804.332
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		230.720.804.332	230.720.804.332
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.124.309.499	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.151.543.137.559	1.137.784.460.084

Trần Thị Cẩm Vân
Người lập

Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 29 tháng 3 năm 2025

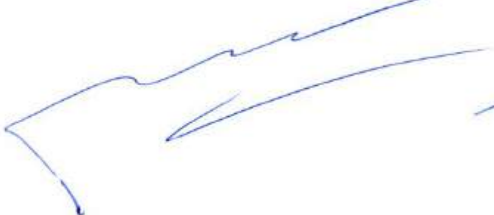
M.S.D.N: 4200567428 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS
F17
TR. NHA TRANG - KH. KHÁNH HÒA
Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	943.033.590.234	783.611.747.882
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.808.025.329	5.020.853.598
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		939.225.564.905	778.590.894.284
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	926.382.073.801	734.257.816.537
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.843.491.104	44.333.077.747
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	118.743.599.517	82.665.279.059
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	48.846.352.380	47.040.986.300
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.923.923.729	18.960.284.197
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	53.684.751.952	42.283.965.536
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	38.038.740.635	31.124.240.044
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.982.754.346)	6.549.164.926
11. Thu nhập khác	31	VI.8	19.742.341.829	569.104.125
12. Chi phí khác	32	VI.9	4.839.632.672	2.149.307.361
13. Lợi nhuận khác	40		14.902.709.157	(1.580.203.236)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.919.954.811	4.968.961.690
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	2.795.645.312	2.475.249.586
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.124.309.499	2.493.712.104
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	166	114
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	166	114


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

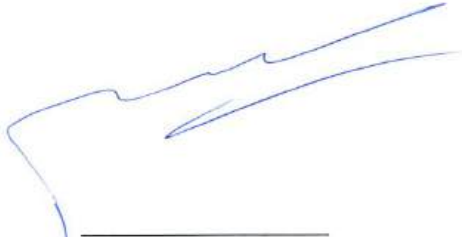
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.919.954.811	4.968.961.690
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	28.590.840.287	29.137.361.313
- Các khoản dự phòng	03		1.308.457.379	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	1.902.169.647	5.003.663.707
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(99.975.824.863)	(57.722.479.129)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	18.923.923.729	18.960.284.197
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(43.330.479.010)	347.791.778
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		53.411.450.443	101.311.032.538
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	61.974.954.453	6.943.835.527
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		110.610.636.304	(3.193.133.797)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	7.951.444.299	7.473.545.866
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.513.249.349)	(18.481.683.287)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(21.138.864.025)	(468.673.161)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(5.954.233.000)	(2.568.414.120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		144.011.660.115	91.364.301.344
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.815.203.881)	(29.801.488.756)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	1.107.239.057	2.441.591.026
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(2.000.000.000)	(19.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	19.000.000.000	21.998.800.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b, VI.5	47.041.646.749	20.232.286.800
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	2.141.956.842	2.671.529.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		53.475.638.767	(1.457.281.213)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	747.398.436.015	794.336.278.983
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(826.036.951.022)	(946.493.890.427)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(78.638.515.007)	(152.157.611.444)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		118.848.783.875	(62.250.591.313)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	75.798.249.657	138.091.264.208
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		560.153.167	(42.423.238)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	195.207.186.699	75.798.249.657


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 29 tháng 3 năm 2025



Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, nhà hàng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Mặc dù doanh thu tăng so với năm trước, nhưng tốc độ tăng giá vốn mạnh hơn do chi phí mua vào biến động mạnh nên lãi gộp năm nay giảm. Lợi nhuận năm nay chủ yếu từ hoạt động chuyển nhượng vốn góp trong công ty con, các khoản đầu tư khác và chuyển nhượng nhà hàng.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con, công ty liên kết

Tại ngày đầu năm, Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản NT với tỷ lệ sở hữu tại ngày đầu năm là 53,09%. Trong năm, Công ty đã thoái một phần vốn tại Công ty con, tỷ lệ sở hữu tại ngày cuối năm là 43,84%, khoản đầu tư trở thành đầu tư vào công ty liên kết. Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, tỷ lệ biểu quyết nắm giữ và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty Cổ phần Thủy sản NT có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90 - F394	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Kinh doanh	Số 71 Phan Bội Châu, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, Việt Nam
Cửa hàng vật tư thủy sản	Số 05 Sinh Trung, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Quán cà phê 31024	310 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao	Thôn Xuân Đông, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Vùng nuôi tôm công nghệ cao	Thôn Thuận Mỹ, xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Trung tâm Thương mại - Du lịch Nha Trang Seafoods - F17	777 đường Lê Hồng Phong, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 979 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.068 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

498
HINH
IG TY
TOAN
NHA T
NG-T

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	582.628.754	1.940.862.850
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	179.920.557.945	46.857.386.807
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	14.704.000.000	27.000.000.000
Cộng	195.207.186.699	75.798.249.657

Các khoản tương đương tiền của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.20a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	21.200.000.000	21.200.000.000	40.200.000.000	40.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	21.200.000.000	21.200.000.000	40.200.000.000	40.200.000.000
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Cộng	23.200.000.000	23.200.000.000	40.200.000.000	40.200.000.000

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.20a). Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn tại Ngân hàng được phong tỏa ký quỹ để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2024.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	-	22.344.180.387
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ⁽ⁱ⁾	-	22.344.180.387
Đầu tư vào công ty liên kết	18.451.645.712	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ⁽ⁱ⁾	18.451.645.712	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	76.966.394.656	110.143.280.241
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱⁱ⁾	54.796.231.365	72.094.580.000
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	22.170.163.291	22.170.163.291
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ^(iv)	-	15.858.536.950
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	-	20.000.000
Cộng	95.418.040.368	132.487.460.628

(i) Công ty Cổ phần Thủy sản NT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang ngày 17/02/2023. Tại ngày đầu năm, Công ty sở hữu 671.611 cổ phiếu, tương ứng 53,09% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã bán 117.000 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày cuối năm là 554.611 cổ phiếu, tương ứng 43,84% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Thủy sản NT trở thành công ty liên kết.

(ii) Tại ngày đầu năm, Công ty sở hữu 11.711.278 cổ phiếu, tương ứng 18,65% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã bán 2.810.000 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày cuối năm là 8.901.278 cổ phiếu, tương ứng 14,17% vốn điều lệ.

(iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 số tiền 22.170.163.291 VND, chiếm 6,3% vốn điều lệ thực góp.

(iv) Trong năm, Công ty bán toàn bộ 1.394.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Green World Nha Trang.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, tiếp tục bị lỗ so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty phát sinh các giao dịch với Công ty Cổ phần Thủy sản NT là công ty con/công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	1.258.009.703	1.683.695.870
Doanh thu bán vật tư, thành phẩm nội địa	20.231.481	4.880.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	308.680.814	88.299.705
Công ty mua thành phẩm	52.701.050.781	1.280.083.167

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã thế chấp 554.611 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản NT và 8.040.488 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.20a).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	134.640.897.653	62.758.678.265
Ông Ngô Tuấn Kiệt - Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	36.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	35.092.551.612	10.143.720
- Phải thu tiền chuyển nhượng tài sản	35.090.450.684	-
- Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	2.100.928	10.143.720
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	25.435.153.671	60.020.109.954
- Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	13.038.000.000	48.000.000.000
- Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	12.397.153.671	12.020.109.954
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng Nóng Nha Trang Seafoods F17	25.220.413.758	143.798.758
- Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	25.032.000.000	-
- Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	188.413.758	143.798.758
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89 -		
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	12.091.435.048	762.398.708
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	30.439.380	338.594.045
Công ty Cổ phần Onsen	556.461.020	1.474.804.728
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hoà	9.043.164	8.828.352
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	5.400.000	-
Phải thu các khách hàng khác	189.208.809.710	177.274.213.579
Công ty NTSF Company, Inc	33.665.451.574	12.729.589.200
Công ty Seafood Connection B.V	45.004.532.379	41.894.488.320
Các khách hàng khác	110.538.825.757	122.650.136.059
Cộng	323.849.707.363	240.032.891.844

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng (trừ khoản phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>5.416.159.408</i>	<i>5.461.528.896</i>
Công ty Cổ phần Onsen	5.416.159.408	5.461.528.896
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>7.328.443.390</i>	<i>9.721.017.902</i>
Công ty TNHH Anh Phát	6.430.837.000	5.986.337.600
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hà Tiên	-	1.456.870.000
Công ty TNHH T+Architecture	-	1.097.000.000
Các nhà cung cấp khác	897.606.390	1.180.810.302
Cộng	12.744.602.798	15.182.546.798

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>3.710.410.495</i>	-	<i>46.308.520.845</i>	-
Ông Trần Vĩnh Hưng - Tạm ứng	3.626.888.400	-	46.134.725.400	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	438.753.985	-	39.816.543	-
- Tiền thi công văn phòng chi hộ	428.378.328	-	-	-
- Tiền chiết khấu bán hàng chi hộ	10.375.657	-	39.816.543	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	55.732.529	-	95.100.103	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	17.413.909	-	38.878.799	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.629.861.778</i>	-	<i>5.176.375.836</i>	-
Tạm ứng	4.102.430.752	-	3.339.583.752	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	15.000.000	-	28.016.000	-
Lãi cho vay, lãi tiền gửi dự thu	180.345.908	-	578.295.891	-
Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu	685.168.177	-	675.461.427	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	646.916.941	-	555.018.766	-
Cộng	9.768.650.601	-	51.484.896.681	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký cược, ký quỹ để thực hiện dự án, chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong ⁽ⁱⁱ⁾	150.000.000	-	150.000.000	-
Quỹ Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.581.003	-	19.581.003	-
Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	92.681.965	-	81.596.000	-
Cộng	4.762.262.968	-	4.751.177.003	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để ký quỹ thực hiện dự án đầu tư “Khu liên hợp Dịch vụ Du lịch – Thương mại và Trung tâm giới thiệu sản phẩm NTSF F17”. Tài khoản tiền gửi này đã bị phong tỏa.
- (ii) Ký quỹ thực hiện dự án “Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao”.
- (iii) Ký quỹ về phí cải tạo phục hồi môi trường, dự án Mỏ nước khoáng Hồn Thơm tại xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Aquatila - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.789.517.009	-	Trên 3 năm	1.789.517.009	-
Công ty BK Food Sploka zoo - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.153.062.500	-	Trên 3 năm	1.153.062.500	1.153.062.500
Phải thu tiền bán hàng – các khách hàng khác	Trên 3 năm	155.394.879	-	Trên 3 năm	155.394.879	155.394.879
Trả trước cho người bán	Trên 3 năm	127.403.230	-	Trên 3 năm	127.403.230	-
Cộng		3.225.377.618	-		3.225.377.618	1.308.457.379

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.916.920.239	1.916.920.239
Trích lập dự phòng bổ sung	1.308.457.379	-
Số cuối năm	3.225.377.618	1.916.920.239

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.547.598.642	-	9.788.958.234	-
Công cụ, dụng cụ	93.390.166	-	76.723.178	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	947.138.629	-	-	-
Thành phẩm	55.739.565.700	-	118.455.992.860	-
Hàng hóa	104.044.029	-	85.017.347	-
Cộng	66.431.737.166	-	128.406.691.619	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	343.340.809	476.852.261
Công cụ, dụng cụ	277.081.855	316.395.565
Cộng	620.422.664	793.247.826

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất ⁽ⁱ⁾	3.643.614.115	5.816.919.439
Chi phí công cụ, dụng cụ ⁽ⁱ⁾	1.016.567.516	5.087.328.907
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.305.804.384	1.446.347.351
Chi phí đền bù ⁽ⁱ⁾	-	405.000.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	439.081.423	1.428.090.878
Cộng	6.405.067.438	14.183.686.575

⁽ⁱ⁾ Giá trị tiền thuê đất trả một lần, công cụ dụng cụ và chi phí đền bù của nhà hàng I-Restaurant đã chuyển nhượng là 4.333.470.810 VND (xem thuyết minh số VIII.5).

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	164.879.917.086	158.625.042.877	35.173.014.319	870.809.867	-	359.548.784.149
Mua trong năm	160.225.000	492.157.812	-	-	-	652.382.812
Đầu tư XD CB hoàn thành	29.513.468.042	9.554.831.986		207.377.667	95.545.926	39.371.223.621
Thanh lý, nhượng bán ⁽ⁱ⁾	(9.760.976.604)	(7.033.675.229)	(3.171.097.130)	(207.377.667)	(95.545.926)	(20.268.672.556)
Giảm khác	(364.312.000)	-	-	-	-	(364.312.000)
Số cuối năm	184.428.321.524	161.638.357.446	32.001.917.189	870.809.867	-	378.939.406.026

Trong đó:

Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	2.950.360.979	49.768.745.402	6.399.137.789	305.716.838	-	59.423.961.008
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	55.690.741.199	108.505.407.232	23.157.757.832	640.762.039	-	187.994.668.302
Khấu hao trong năm	13.362.344.614	12.212.946.795	2.715.382.329	123.485.469	2.985.810	28.417.145.017
Thanh lý, nhượng bán	(145.469.591)	(3.080.852.598)	(3.171.097.130)	(5.184.441)	(2.985.810)	(6.405.589.570)
Số cuối năm	68.907.616.222	117.637.501.429	22.702.043.031	759.063.067	-	210.006.223.749

Giá trị còn lại

Số đầu năm	109.189.175.887	50.119.635.645	12.015.256.487	230.047.828	-	171.554.115.847
Số cuối năm	115.520.705.302	44.000.856.017	9.299.874.158	111.746.800	-	168.933.182.277

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Trong đó, nguyên giá tài sản cố định của nhà hàng I-Restaurant đã chuyển nhượng là 13.992.272.906 VND (xem thuyết minh số VIII.4).

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 43.296.523.560 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.606.937.376	372.000.000	14.978.937.376
Số cuối năm	14.606.937.376	372.000.000	14.978.937.376
Trong đó:			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	272.000.000	272.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.480.965.720	347.000.000	2.827.965.720
Khấu hao trong năm	263.466.098	20.000.002	283.466.100
Số cuối năm	2.744.431.818	367.000.002	3.111.431.820
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.125.971.656	25.000.000	12.150.971.656
Số cuối năm	11.862.505.558	4.999.998	11.867.505.556
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá

Là tòa nhà Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood - F17, phát sinh trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	183.701.402.315
Chi phí phát sinh trong năm	727.272.727
Số cuối năm	184.428.675.042

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	4.660.737.660	125.456.289	-	-	4.786.193.949
- Các vùng nuôi	364.741.290	-	-	-	364.741.290
- Các công trình khác	4.295.996.370	125.456.289	-	-	4.421.452.659
Sửa chữa lớn tài sản cố định	24.402.873.538	16.875.651.530	(39.371.223.621)	(1.907.301.447)	-
Cộng	29.063.611.198	17.001.107.819	(39.371.223.621)	(1.907.301.447)	4.786.193.949

Không phát sinh chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm nay (năm trước là 6.495.046.574 VND).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Chi phí lãi vay ⁽ⁱ⁾	14.258.629.141	8.115.113.114
Lỗi tính thuế năm 2024 ⁽ⁱⁱ⁾	979.296.953	-
Cộng	15.237.926.094	8.115.113.114

(i) Chi tiết chi phí lãi vay như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Năm 2022	7.274.469.946	7.274.469.946
Năm 2023	840.643.168	840.643.168
Năm 2024	6.143.516.027	-
Cộng	14.258.629.141	8.115.113.114

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>286.245.164.230</i>	<i>205.284.955.577</i>
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	109.777.235.874	73.687.775.863
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	133.194.217.466	113.978.994.034
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	43.273.090.890	17.618.185.680
Công ty Cổ phần Onsen	620.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>7.965.521.713</i>	<i>14.337.903.572</i>
Các nhà cung cấp khác	7.965.521.713	14.337.903.572
Cộng	294.210.685.943	219.622.859.149

14b. Phải trả người bán dài hạn

Số cuối năm là khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89.

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Ally Sphere Food	847.048.316	-
Công ty Sunny Seafood P/L	689.960.471	-
Oceanic Fishery Co., Limited	450.688.000	-
Các khách hàng khác	508.236.322	10.004.672
Cộng	2.495.933.109	10.004.672

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	346.136.590	(346.136.590)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.138.864.025	-	2.795.645.312	(21.138.864.025)	2.795.645.312	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	177.805.642	719.967.721	(479.340.420)	62.821.659	-
Thuế tài nguyên	4.488.000	-	57.021.200	(58.827.200)	2.682.000	-
Tiền thuê đất	-	5.452.971.470	5.038.935.518	-	-	414.035.952
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	80.169.907	(80.169.907)	-	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	61.593.750	(61.593.750)	-	-
Lệ phí môn bài	11.000.000	-	10.000.000	(21.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.826.396.761	-	27.283.270	(8.853.680.031)	-	-
Cộng	29.980.748.786	5.630.777.112	9.136.753.268	(31.039.611.923)	2.861.148.971	414.035.952

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Thủy sản, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy sản, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy sản, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Năm 2024, thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Riêng thu nhập từ hoạt động chế biến trong lĩnh vực thủy sản, Công ty áp dụng thuế suất 15% theo qui định tại Khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2016 (bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.919.954.811	4.968.961.690
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	6.143.516.027	840.643.168
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	1.919.336.510	2.344.673.357
- Các khoản điều chỉnh giảm	(983.877.739)	(3.231.962.907)
Thu nhập chịu thuế	12.998.929.609	4.922.315.308
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	(979.296.953)	4.922.315.308
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	13.978.226.562	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	(34.128.599)
Thu nhập tính thuế	13.978.226.562	4.888.186.709
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.795.645.312	977.637.342
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	1.497.612.244
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.795.645.312	2.475.249.586

(i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 5.000 VND/m³ với mức thuế suất 8%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	2.068.147.000	1.361.258.000
Nhà máy F17	4.741.558.000	3.351.986.000
Nhà máy F90	3.242.721.000	3.130.920.000
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	277.993.000	-
Vùng nuôi	324.548.000	160.097.000
Cộng	10.654.967.000	8.004.261.000

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	254.794.521
Ông Ngô Tuấn Kiệt - Lãi vay phải trả	-	254.794.521
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.553.302.907	4.617.700.301
Chi phí hoa hồng môi giới phải trả	1.747.983.467	1.186.583.060
Lãi vay phải trả	723.879.618	557.698.389
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.081.439.822	2.873.418.852
Cộng	5.553.302.907	4.872.494.822

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	500.712.328
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang - Lãi vay phải trả	-	95.547.945
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF - Lãi vay phải trả	-	405.164.383
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.933.586.528	6.816.346.414
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	336.588.420	336.588.420
Kinh phí công đoàn	4.577.196.716	4.965.301.076
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360.000.000	360.283.475
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	659.801.392	1.154.173.443
Cộng	5.933.586.528	7.317.058.742

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	199.423.953.906	233.187.117.360
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	115.451.191.235	51.545.613.940
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	16.659.494.370	15.822.637.125
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Nha Trang	12.088.315.309	16.623.184.086
Cộng	343.622.954.820	317.178.552.511

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Các khoản vay ngắn hạn (có thời gian dưới 01 năm), mục đích để tài trợ vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, bảo lãnh, chiết khấu, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh tại các Công ty với lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể và theo từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng trong năm từ 4%/năm đến 5%/năm, bao gồm:

Ngân hàng	Hạn mức vay (tỷ đồng)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	200	Tài sản cố định hữu hình, số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế, hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.1; V.2a; V.3; V.7)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	50	Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế, hàng tồn kho, số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng (xem thuyết minh số V.2a; V.3; V.7)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	350	Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế, hàng tồn kho, cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF và Công ty Cổ phần Thủy sản NT (xem thuyết minh số V.2a; V.2b; V.3; V.7; V.9; V.10)
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Nha Trang	50	Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế, hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.3; V.7)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	317.178.552.511
Số tiền vay phát sinh trong năm	747.398.436.015
Số tiền vay đã trả trong năm	(721.036.951.022)
Đánh giá lại số dư cuối năm	82.917.316
Số cuối năm	343.622.954.820

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	105.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	-	50.000.000.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	-	15.000.000.000
Cộng	-	105.000.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	105.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(105.000.000.000)
Số cuối năm	-

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	7.259.564.447	(4.814.439.000)	2.445.125.447
Quỹ phúc lợi	1.860.712.083	(1.139.794.000)	720.918.083
Cộng	9.120.276.530	(5.954.233.000)	3.166.043.530

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	188.000.000.000	17.957.399.540	228.574.227.173	434.531.626.713
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.493.712.104	2.493.712.104
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(347.134.945)	(347.134.945)
Số dư cuối năm trước	188.000.000.000	17.957.399.540	230.720.804.332	436.678.203.872
Số dư đầu năm nay	188.000.000.000	17.957.399.540	230.720.804.332	436.678.203.872
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	3.124.309.499	3.124.309.499
Số dư cuối năm nay	188.000.000.000	17.957.399.540	233.845.113.831	439.802.513.371

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 188.000.000.000 VND. Chi tiết vốn điều lệ theo cổ đông lớn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Ngô Tuấn Kiệt	123.304.170.000	103.787.830.000
Bà Đào Thị Minh Hương	18.800.000.000	18.800.000.000
Các cổ đông khác	45.895.830.000	65.412.170.000
Cộng	188.000.000.000	188.000.000.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.800.000	18.800.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	6.296.933,60	1.401.171,79
Euro (EUR)	427.063,92	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	2.374.644.646	886.626.986
Doanh thu bán thành phẩm	921.330.968.905	765.997.324.858
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.327.976.683	16.727.796.038
Cộng	943.033.590.234	783.611.747.882

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con/công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con/công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89		
Doanh thu bán vật tư	856.456.158	36.706.700
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	3.737.942.014	3.673.262.470
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.816.000.332	363.249.386
Doanh thu bán thành phẩm nội địa	1.878.449.477	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17		
Doanh thu bán thành phẩm	185.030.648	155.006.111
Doanh thu cung cấp dịch vụ	285.000.000	49.986.762
Doanh thu bán vật tư	-	66.792.824
Công ty Cổ phần Onsen		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	87.148.407	198.792.674
Doanh thu dịch vụ khác	7.288.426	557.583.065
Doanh thu bán hàng hóa	1.458.333	-
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	30.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF		
Doanh thu bán vật tư	1.203.973.294	534.062.150
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	3.033.226.935	3.074.315.961
Doanh thu thành phẩm ủy thác xuất khẩu	1.667.865.600	16.183.919.480
Doanh thu bán thành phẩm	4.607.603.148	-
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	192.663.359	41.245.454
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang		
Doanh thu bán thành phẩm	1.885.000	2.015.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.585.649	14.707.461
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	128.240.700	255.775.900
Doanh thu bán hàng	7.083.333	9.722.222
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	55.970.145	53.144.586
Hàng bán bị trả lại	3.752.055.184	4.967.709.012
Cộng	3.808.025.329	5.020.853.598
3. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.102.112.186	745.164.029
Giá vốn của thành phẩm đã bán	921.056.771.930	729.033.979.362
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.223.189.685	4.478.673.146
Cộng	926.382.073.801	734.257.816.537

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.744.006.859	2.465.139.855
Lãi bán trái phiếu	-	166.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	32.739.012.918	24.672.068.817
Lãi do chuyển nhượng vốn trong công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác	84.260.579.740	55.362.070.387
Cộng	118.743.599.517	82.665.279.059

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.923.923.729	18.960.284.197
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	28.001.905.753	23.074.837.474
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.902.169.647	5.003.663.707
Chi phí tài chính khác	18.353.251	2.200.922
Cộng	48.846.352.380	47.040.986.300

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.503.955.204	4.922.636.140
Chi phí vật liệu công cụ dụng cụ	4.899.996	52.044.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.202.318.509	1.407.872.417
Chi phí điện, điện thoại	5.772.800.185	5.989.484.720
Chi phí vận chuyển quốc tế	13.198.511.044	5.218.752.516
Chi phí vận chuyển nội địa	8.862.829.461	8.299.554.517
Chi phí hoa hồng môi giới	5.840.498.975	4.588.928.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.577.895.792	5.871.000.477
Các chi phí khác	6.721.042.786	5.933.691.600
Cộng	53.684.751.952	42.283.965.536

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.307.927.323	14.460.897.338
Chi phí vật liệu quản lý	324.932.075	246.668.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.362.012.329	2.354.132.776
Thuế, phí và lệ phí	5.928.152.549	1.767.237.827
Chi phí tư vấn pháp lý	100.080.000	1.059.229.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	484.241.506	800.945.058
Các chi phí khác	12.531.394.853	10.435.128.251
Cộng	38.038.740.635	31.124.240.044

5-001
IÁNH
/ TNH
và TỰ
C
FRANG
T. KHÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định – nhà hàng I-Restaurant	13.978.226.562	-
Lãi thanh lý tài sản cố định khác	11.364.953	-
Thu nhập từ bán phế liệu vật tư	5.494.113.091	237.644.127
Các khoản thu nhập khác	258.637.223	331.459.998
Cộng	19.742.341.829	569.104.125

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	268.617.913
Chi phí thanh lý vật tư	4.333.470.810	-
Xử lý hàng hủy	43.797.930	194.097.727
Chi phí thiệt hại hàng LP trả về	19.276.347	644.097.262
Các khoản chi phí khác	443.087.585	1.042.494.459
Cộng	4.839.632.672	2.149.307.361

10. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.124.309.499	2.493.712.104
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(347.134.945)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.124.309.499	2.146.577.159
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.800.000	18.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	166	114

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	437.610.860.405	456.823.392.742
Chi phí nhân công	160.405.592.745	164.001.976.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.590.840.287	29.137.361.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.562.490.204	49.030.773.319
Chi phí khác	45.171.331.017	38.353.688.331
Cộng	724.341.114.658	737.347.192.426

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công nợ về mua sắm, xây dựng tài sản cố định các tài sản dài hạn khác

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước tiền mua sắm tài sản cố định	6.474.837.000	8.796.053.200
Phải trả người bán về mua sắm tài sản cố định	848.793.436	985.834.436

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Ngô Văn Ích		
Công ty thanh toán tiền vay	-	40.000.000.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt		
Công ty vay tiền	-	40.000.000.000
Công ty trả tiền vay	40.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	2.753.424.658	3.396.712.328
Ông Trần Vĩnh Hưng		
Công ty chi tạm ứng	576.475.000	3.303.128.400
Hoàn tạm ứng	43.084.312.000	1.081.953.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a, V.18 và V.20b.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Chủ tịch HĐQT	558.392.000	558.392.000
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Giám đốc	507.379.000	507.379.000
Bà Ngô Anh Phương Lan	Thành viên HĐQT	282.121.000	282.121.000
Ông Trần Vĩnh Hưng	Thành viên HĐQT	282.695.000	282.695.000
Bà Nguyễn Thị Thủy Nguyên	Thành viên Ban kiểm soát	433.047.000	433.047.000
Bà Bùi Nguyễn Nhật Uyên	Thành viên Ban kiểm soát	281.997.000	281.997.000
Ông Nguyễn Phi Thương	Thành viên Ban kiểm soát	338.983.000	338.983.000
Ông Trần Đình Kháng	Thành viên Ban kiểm soát	275.942.000	275.942.000
Ông Ngô Tấn Hùng	Giám đốc khối sản xuất	505.580.000	505.580.000
Cộng		3.466.136.000	3.466.136.000
Năm trước			
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Giám đốc	360.859.000	360.859.000
	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Giám đốc		
Ông Huỳnh Long Quân	Giám đốc	446.087.000	446.087.000
Ông Ngô Văn Ích	Nguyên Giám đốc	58.208.000	58.208.000
Bà Ngô Anh Phương Lan	Thành viên HĐQT	257.672.000	257.672.000
Ông Trần Vĩnh Hưng	Thành viên HĐQT	294.338.000	294.338.000
Ông Nguyễn Phi Thương	Thành viên Ban kiểm soát	312.939.000	312.939.000
Ông Trần Đình Kháng	Thành viên Ban kiểm soát	275.281.000	275.281.000
Cộng		2.005.384.000	2.005.384.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác
Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Công ty con cho đến ngày 24/12/2024, sau đó là công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Onsen	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần I-Group	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

30044
CHI
CÔNG
TỔ
A
Tại N
TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con/công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con/công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Công ty còn phát sinh giao dịch khác với bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89		
Công ty mua thành phẩm, hàng hóa	69.158.776.962	31.411.693.080
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods - F17		
Công ty mua sản phẩm và sử dụng dịch vụ	311.655.316	449.460.453
Công ty mua vật tư	-	534.694.159
Thanh lý xe ô tô	-	45.454.545
Thanh lý vật tư	-	87.917.403
Công ty chuyển nhượng cổ phần	39.032.000.000	-
Công ty thu tiền chuyển nhượng cổ phần	14.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Onsen		
Công ty mua nước uống đóng chai	115.308.335	115.649.110
Công ty mua quà tết cho công nhân	-	18.073.637
Chi phí bảo quản gửi kho	42.008.785	498.584.356
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa		
Chi phí mua hàng hóa	189.815	904.545
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF		
Mua thành phẩm, hàng hóa nội địa	103.190.105.614	25.504.267.960
Phí ủy thác xuất khẩu	16.879.104	161.876.820
Phí vận chuyển quốc tế	22.563.785	-
Công ty thanh toán tiền vay	50.000.000.000	19.700.000.000
Chi phí lãi vay	114.452.055	5.883.396.711
Công ty chuyển nhượng cổ phần	26.078.000.000	67.320.000.000
Công ty thu tiền chuyển nhượng cổ phần	61.040.000.000	19.320.000.000
Công ty mua tài sản cố định	-	1.209.056.974
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang		
Chi phí sử dụng dịch vụ	1.018.519	15.346.365
Công ty trả tiền vay	15.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	413.835.618	1.545.904.109
Thanh lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhà hàng I-Restaurant (xem thuyết minh số VIII.5)	25.476.343.373	-
Thanh lý tài sản cố định hữu hình và công cụ dụng cụ (xem thuyết minh số VIII.5)	6.698.436.985	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.14a, V.14b, V.18, V.19 và V.20b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất chế biến thủy hải sản trong lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Các sai sót

Công ty đã điều chỉnh số liệu (các) năm trước do:

- i. Bị truy thu, bị phạt theo Quyết định số 1865/QĐ-CTKHH ngày 31/05/2024 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa
- ii. Tự xác định lại thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2023.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này đến các chỉ tiêu trực tiếp trên Báo cáo tài chính (các) năm trước như sau:

- Đối với Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu ngày 31/12/2023 trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu ngày 31/12/2023 sau điều chỉnh
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.637.301.512	(6.524.400)	5.630.777.112
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.488.000	29.976.260.786	29.980.748.786
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	260.703.589.518	(29.982.785.186)	230.720.804.332

- Đối với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm 2023	Năm 2021
Chỉ tiêu "Chi phí khác" - Mã số 32		
Số liệu trước điều chỉnh		712.239.124
Các điều chỉnh		8.843.921.161
Số liệu sau điều chỉnh		9.556.160.285
Chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" - Mã số 51		
Số liệu trước điều chỉnh	1.497.612.244	1.160.339.173
Các điều chỉnh	977.637.342	20.161.226.683
Số liệu sau điều chỉnh	2.475.249.586	21.321.565.856
Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" - Mã số 60		
Số liệu trước điều chỉnh	3.471.349.446	91.077.129.143
Các điều chỉnh	(977.637.342)	(29.005.147.844)
Số liệu sau điều chỉnh	2.493.712.104	62.071.981.299



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm trước không bị ảnh hưởng bởi sai sót này, và chỉ ảnh hưởng đến số liệu năm 2021 như sau:

	Năm 2021
Chỉ tiêu "Lợi nhuận trước thuế" - Mã số 01	
Số liệu trước điều chỉnh	92.237.468.316
Các điều chỉnh	(8.843.921.161)
Số liệu sau điều chỉnh	83.393.547.155
Chỉ tiêu "Tăng, giảm các khoản phải trả" - Mã số 11	
Số liệu trước điều chỉnh	(48.919.699.888)
Các điều chỉnh	8.843.921.161
Số liệu sau điều chỉnh	(40.075.778.727)

4. Thông tin khác

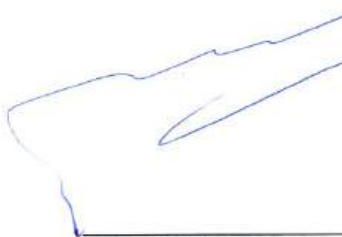
Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và toàn bộ tài sản cố định, công cụ dụng cụ phục vụ cho hoạt động của nhà hàng I-Restaurant tại thửa đất 46 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tại thời điểm lập Báo cáo này, bên mua đang thực hiện thủ tục đăng ký chuyển quyền sử dụng đất.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nha Trang, ngày 29 tháng 3 năm 2025


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng


Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

